

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Cao P (Không có tên gọi khác) - sinh ngày 10 tháng 6 năm 1977 tại thành phố Hà Nội; Số CCCD: 001077041117 cấp ngày 24 tháng 7 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã P, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú hiện nay: Tổ G phường H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ học vấn: Đại học. Nơi làm việc: Công ty Cổ phần I. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Cha: Trần Cao L (sinh năm: 1946), Mẹ: Đặng Thị O (sinh năm: 1956), Vợ: Lưu Thị H (sinh năm: 1983), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Ánh N (Không có tên gọi khác) - sinh ngày 13 tháng 6 năm 1993 tại tỉnh Quảng Trị; Số CCCD: 044093002066 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi đăng ký HKTT: Thôn C xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú hiện nay: Tổ G phường H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng. Trình độ học vấn: Đại học; Nơi làm việc: Công ty Cổ

phần I. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Cha: Dương Quốc T (sinh năm: 1959), Mẹ: Phan Thị D (sinh năm: 1958), gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Hữu Q (Không có tên gọi khác) - sinh ngày 20 tháng 01 năm 1993 tại thành phố H; Số CCCD: 046093012217 cấp ngày 17 tháng 8 năm 2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi đăng ký HKTT: C, phường P, thành phố H. Nơi cư trú hiện nay: Tổ G phường H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng. Trình độ học vấn: Cao đẳng. Nơi làm việc: Công ty Cổ phần I. Cha: Phạm Hữu C (sinh năm: 1948), Mẹ: Giáp Thị L1 (sinh năm: 1955), gia đình có 8 chị em, bị cáo là con thứ 7.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Cổ phần M2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H1 – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Địa chỉ: Khu L, đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Công ty Cổ phần I.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Hải N1 – Chức vụ: Trưởng Ban thư ký. Địa chỉ: Ô, Khu công nghiệp N, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội, nay là xã T, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

3. Công ty TNHH T7. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quang V – Giám đốc. Địa chỉ: Lô S, Khu tái định cư H, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

4. Công ty TNHH MTV H5.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Thùy D1 – Giám đốc.

Địa chỉ: Số B L, phường A, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

5. Công ty TNHH T8. Người đại diện theo pháp luật: bà Hồ Thị H2 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

6. Ông Phan Anh T1 – sinh năm: 1976. Địa chỉ: C T, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

7. Ông Văn Phú Trung M – sinh năm: 1985. Địa chỉ: P Chung cư N, đường N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

8. Ông Mai Đình T2 – sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn M, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: Khối phố V, phường Đ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

9. Ông Phan Phụng C1 – sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

10. Ông Thân Vĩnh T3 – sinh năm: 1989. Địa chỉ: Tổ D, khối Bằng A, phường A, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

11. Ông Đào Việt H3 – sinh năm: 1998. Địa chỉ: Tổ G phường L, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở: 155 đường T, phường L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

12. Ông Phan Đức K – sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ A phường H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở: 398/31 đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

13. Ông Đỗ Vạn T4 – sinh năm: 1967. Thôn P, xã T, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: 11 B, phường C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

14. Ông Ngô Thanh T5 – sinh năm: 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hùng M1 – sinh năm 1991. Địa chỉ: A N, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn C2 – sinh năm: 1987. Địa chỉ: A T, phường N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/6/2010, Công ty Cổ phần M2 (MST: 3203002289) được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000046 đối với Dự án “Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại tại bãi rác K - Đà Nẵng” thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Cuối năm 2015 đến đầu năm 2016, sau khi đầu tư xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, Công ty Cổ phần M2 đã tiến hành vận hành thử nghiệm. Nhận thấy kết quả vận hành của nhà máy không đạt hiệu quả nên Công ty không đưa vào hoạt động chính thức mà dừng hoạt động để điều chỉnh công nghệ xử lý. Quá trình vận hành thử nghiệm nêu trên có tồn đọng một lượng chất thải rắn màu đen, phát sinh từ việc đốt rác thải, được chứa trong các bao tải lớn và tập kết tại kho xưởng của dự án.

Ngày 18/9/2023, Công ty Cổ phần M2 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 32121000046, điều chỉnh thành Dự án “Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại K” tại Khu liên hợp xử lý

chất thải rắn K, đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Dự án đã được UBND thành phố Đ phê duyệt điều chỉnh cục bộ chi tiết TL 1/500 theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04/10/2024, với tổng diện tích Dự án là 93.874m².

Đầu tháng 01/2025, Công ty Cổ phần M2 thuê Công ty Cổ phần I (M3: 0104835204), làm tổng thầu thi công xây dựng Dự án “Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại K” nhưng hai bên chưa ký hợp đồng. Công ty Cổ phần I chưa thành lập Ban chỉ huy công trình nhưng phân công Trần Cao P làm Chỉ huy trưởng, Dương Ánh N làm Chỉ huy phó và Phạm Hữu Q làm cán bộ kỹ thuật tại hiện trường; đồng thời ký hợp đồng thuê thiết bị của Công ty TNHH T7 (MST: 0402088156), Công ty TNHH MTV H5 (MST: 04017023020) và Công ty TNHH T8 (MST: 0401648743) để thi công. Dự án đã thực hiện phá dỡ nhà xưởng cũ, san lấp mặt bằng, làm đường công vụ.

Ngày 12/3/2025, để bóc tầng phủ hạ cốt nền tại khu vực nhà máy cũ, tạo mặt bằng thi công xây dựng Dự án mới, Trần Cao P nói Dương Ánh N cho di chuyển khối lượng chất thải rắn tồn đọng tại kho xưởng cũ đến đống, san ủi, chôn lấp tại khu đất phía Đ nằm bên trong dự án, cách kho xưởng cũ khoảng 500 m. Sau đó, Dương Ánh N đã giao việc lại cho Phạm Hữu Q để điều động thiết bị, phương tiện và tổ chức thực hiện. Từ ngày 18/3/2025 đến ngày 23/3/2025, Phạm Hữu Q yêu cầu ông Mai Đình T2 (là nhân viên của Công ty TNHH T7) lái xe máy múc để mức lượng chất thải này lên các xe tải biển kiểm soát 43C-117.57, 43C-299.53, 43C-130.85, 43C-007.87 (thuê của Công ty TNHH T7) và xe tải biển kiểm soát 43C-188.29 (thuê của Công ty TNHH MTV H5) do các lái xe Phan Phụng C1, Thân Vĩnh T3, Đào Việt H3, Phan Đức K, Trần Công T6 điều khiển, để di chuyển đến tập kết tại khu đất phía Đông Bắc của dự án; sau đó, Q yêu cầu ông Đỗ Vạn T4 vận hành xe máy ủi thuê của Công ty TNHH T7 thực hiện việc san ủi, chôn lấp chất thải này để tạo mặt bằng.

Ngày 23/3/2023, khi ông Đỗ Vạn T4 đang tiến hành san ủi, chôn lấp chất thải thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Đ phát hiện, lập biên bản.

Vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 23/3/2025, tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát kinh tế phát hiện ông Đỗ Vạn T4 đang điều khiển xe máy ủi hiệu D50 Komatsu để chôn lấp loại vật chất ở thể rắn. Tiến hành kiểm tra khu vực chất thải đã đổ và đang được san gạt, chôn lấp được giới hạn bởi các mốc tọa độ, gồm:

- + Mốc 1: lat: 16.0465220, long: 108.1419763;
- + Mốc 2: lat: 16.0466351, long: 108.1417983;
- + Mốc 3: lat: 16.0464862, long: 108.1417701;

- + Mốc 4: lat: 16.0462165, long: 108.1418295;
- + Mốc 5: lat: 16.0463097, long: 108.1419562;
- + Mốc 6: lat: 16.0464086, long: 108.1418868..

Tại khu vực này, phần lớn chất thải đã được san ủi, chôn lấp và được phủ bằng một lớp đất san nền, một phần nhỏ lượng chất thải tại thời điểm kiểm tra nằm lộ thiên, đang được xe ủi tiếp tục san ủi, chôn lấp.

Tiến hành xác định khối lượng chất thải đã được đổ, san ủi, chôn lấp tại hiện trường bằng cách sử dụng trạm cân của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K (đã được Công ty Cổ phần D2 kiểm định hiệu chuẩn đo lường Miền Trung cấp Giấy chứng nhận kiểm định số 2045.24P/ĐLMT ngày 30/11/2024 có thời hạn đến ngày 30/11/2025) để cân tải trọng chất thải. Kết quả xác định tổng số lượng chất thải đã được đổ, san ủi, chôn lấp tại hiện trường là 162.210 kg

* Tang vật tạm giữ: 162.210 kg chất thải được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

* Theo Kết luận giám định số 2755/KL-KTHS ngày 08/4/2025 của V1 - Bộ C3, kết luận:

Mẫu chất thải ký hiệu CTR-1 có giá trị các thành phần nguy hại so với ngưỡng chất thải nguy hại tại Bản G, Bảng 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại (QCVN 07:2009/BTNMT).

Ngoài ra đều không tìm thấy các thành phần nguy hại hữu cơ khác được quy định tại Bảng 3 QCVN 07:2009/BTNMT và các chất phải loại trừ theo phụ lục A Công ước S về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy nên mẫu chất thải ký hiệu CTR-1 không phải là chất thải nguy hại. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường thì mẫu chất thải ký hiệu CTR-1 là chất thải rắn thông thường.

* Ngày 29/4/2025, Sở Xây dựng thành phố Đ có Công văn số 2885/SXD-QLHT xác định tại vị trí khu đất đổ, san ủi, chôn lấp chất thải (được giới hạn bởi các mốc tọa độ tại Biên bản làm việc ngày 23/03/2023 của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Đ) thì: theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ phần lớn là Trạm xử lý nước thô thứ cấp (ký hiệu HTKT.04), một phần nhỏ là đất cây xanh và đường giao thông nội bộ nên các khu vực này không được sử dụng để chôn lấp chất thải.

* Vật chứng tạm giữ: 162.210 kg chất thải rắn thông thường được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đang do Công ty Cổ phần M2 quản lý.

* Phần dân sự: vị trí đồ, san ủi, chôn lấp chất thải được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 034950 ngày 19/02/2013 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ 284 (diện tích 20.000 m²) và số CC 999474 ngày 01/7/2016 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ 265 (diện tích 75.803 m²) cho Công ty Cổ phần M2. Công ty Cổ phần M2 không có yêu cầu bồi thường.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, truy tố các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q về tội “Gây ô nhiễm môi trường” theo điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng giữ quyền công tố nhà nước tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q và đề nghị:

- Căn cứ: điểm g khoản 1, khoản 4 Điều 235; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Cao P 03 (Ba) tháng tù đến 06 (S1) tháng tù về tội “Gây ô nhiễm môi trường”. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 235; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Dương Ánh N từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

- Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 235; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Phạm Hữu Q từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 162.210 kg chất thải rắn thông thường được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Công ty Cổ phần M2 có trách nhiệm xử lý.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

* Bị cáo Trần Cao P nói lời nói sau cùng: Do kém hiểu biết về môi trường, bị cáo nghe nói là khối chất thải đó sau này sẽ được làm phân bón cho cây nên bị cáo đã chỉ cho các bị cáo N và Q vận chuyển đem ra san lấp tại vệt trồng cây xanh theo thiết kế của dự án, sau khi cơ quan chức năng lập biên bản, các bị cáo đã thấy sai trái nên cũng khẩn trương hợp tác với các cơ quan chức năng khắc

phục, tiến hành bốc dỡ, di chuyển khối chất thải về vị trí cũ. Bị cáo nhận thức hành vi của mình như vậy là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo từ trước đến nay đều chấp hành pháp luật tốt, là lao động chính trong gia đình, lo cho cha mẹ già yếu, cha bị cáo thường xuyên ốm đau do di chứng chiến tranh, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, chăm sóc cha mẹ già.

* Bị cáo Dương Ánh N nói lời nói sau cùng: Bị cáo chưa bao giờ vi phạm pháp luật, lần này bị cáo biết mình đã làm sai pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt nhẹ để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, chăm sóc cha mẹ.

* Bị cáo Phạm Hữu Q nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được mức hình phạt hình phạt nhẹ để bị cáo cơ hội sửa chữa sai lầm, có cơ hội chăm lo cho cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quy trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q thừa nhận: Vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 23/3/2025, tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ phát hiện Trần Cao P, Dương Ánh N và Phạm Hữu Q đang thực hiện hành vi đổ, lấp, san ủi 162.210kg chất thải rắn thông thường trái phép ra môi trường. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình tranh luận tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q đã cấu thành tội “Gây ô nhiễm môi trường” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật hình sự như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Thành phố Đà Nẵng đang nỗ lực trở thành một "thành phố môi trường"

xanh, sạch, đẹp, hướng tới một đô thị sinh thái bền vững. Dự án “Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại K” của Công ty Cổ phần M2 là dự án cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng về xử lý ô nhiễm môi trường của Thành phố Đà Nẵng nên Công ty đã khẩn trương triển khai công tác phá dỡ nhà xưởng của nhà máy cũ, sang lấp, cải tạo mặt bằng, làm đường tạm, lán trại, bãi tập kết vật liệu tạm... để phục vụ thi công, xây dựng nhà máy mới. Để đẩy nhanh tiến độ dự án, Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q là những kỹ sư xây dựng của đơn vị thi công Công ty Cổ phần I, trực tiếp thực hiện công việc thi công tại hiện trường dự án nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội, tự ý di chuyển khối lượng chất thải rắn là rác thải hữu cơ đã được than hóa tại nhà xưởng cũ để san lấp mặt bằng, như vậy đã đưa chất thải ra môi trường. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, di chuyển toàn bộ khối lượng chất thải rắn nói trên vào lưu trữ, bảo quản; tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản b, s, i, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra: trong quá trình công tác, các bị cáo đều được khen thưởng do có thành tích trong công tác, lao động; Cha bị cáo P là người có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng H4, Huy chương kháng chiến, là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình có cha mẹ già yếu, ốm đau, con nhỏ; Các bị cáo N, Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Loại chất thải rắn các bị cáo đưa ra để san lấp mặt bằng không phải là chất thải nguy hại, là loại chất thải rắn thông thường, được Công ty M2 xử lý theo quy định trong thời gian vận hành thử nghiệm dự án “Đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải tại bãi rác K - Đà Nẵng”, là chất thải phát sinh trong quá trình than hóa của dây chuyền đốt rác hữu cơ yếm khí khi vận hành thử nghiệm nhà máy cũ, do chủ

quan, không tìm hiểu các quy định của pháp luật về môi trường, do sự thiếu hiểu biết về chất thải, và việc hiểu biết pháp luật về môi trường còn hạn chế nên các bị cáo đã phạm tội. Xét bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chấp hành tốt mọi quy định tại đơn vị công tác cũng như tại địa phương được địa phương xác nhận, các bị cáo đều là kỹ sư xây dựng, có nơi làm việc và nơi cư trú ổn định, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và đều có ý thức sửa chữa lỗi lầm, các bị cáo có khả năng tài chính để chấp hành án. Đối với bị cáo P, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo P ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo thì sẽ có tác dụng răn đe, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và được công hiến cho xã hội và để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công rõ ràng giữa các bị cáo. Bị cáo P là Chỉ huy trưởng công trình, là người giao việc các bị cáo N, bị cáo Q thực hiện hành vi vận chuyển khối lượng chất thải rắn ra san lấp nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức phạt tiền đối với bị cáo P cao hơn so với hai bị cáo N, Q.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng được xử lý như sau: Đối với 162.210 kg chất thải rắn thông thường được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng, cần tiếp tục giao cho Công ty Cổ phần M2 có trách nhiệm xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật (theo “Biên bản về việc bàn giao số lượng chất thải cho Công ty Cổ phần M2” của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ lập ngày 18/7/2025).

[7] Phần dân sự: Tại vị trí đổ, san ủi, chôn lấp chất thải được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 034950 ngày 19/02/2013 đối với thửa đất số 1, tờ bản đồ 284 (diện tích 20.000 m²) và số CC 999474 ngày 01/7/2016 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ 265 (diện tích 75.803 m²) cho Công ty Cổ phần M2. Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần M2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện Công ty không có yêu cầu bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

[9] Đối với Công ty Cổ phần M2 là chủ đầu tư và Công ty Cổ phần I là đơn vị thi công, không được báo cáo về việc san lấp chất thải, không biết, không tham gia vào việc Trần Cao P, Dương Ánh N và Phạm Hữu Q tự ý thực hiện việc đổ, lấp, san ủi khối lượng chất thải rắn thông thường nêu trên ra môi trường nên Cơ

quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nay là phường H, thành phố Đà Nẵng là nơi xảy ra sự việc. Do địa điểm xảy ra vụ việc “gây ô nhiễm môi trường” nói trên đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần M2 để thực hiện Dự án “Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện tại K”, không thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân phường H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với ông Mai Đình T2, ông Phan Phụng C1, ông Thân Vĩnh T3, ông Đào Việt H3, ông Phan Đức K, ông Trần Công T6 và ông Đỗ Vạn T4 là những người trực tiếp thực hiện hành vi đổ chất thải theo phân công của Phạm Hữu Q mà không biết đó là chất thải và cũng không biết tại vị trí dự án có được cấp phép chôn lấp chất thải hay không. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với các Công ty TNHH T7, Công ty TNHH MTV H5, Công ty TNHH T8 không biết đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q phạm tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

1. Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 235; điểm b, s, i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Trần Cao P 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

2. Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 235; điểm b,s, i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Dương Ánh N 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

3. Căn cứ: điểm g khoản 1 Điều 235; điểm b, s, i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo Phạm Hữu Q 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Gây ô nhiễm môi trường”.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: Giao Công ty Cổ phần M2 xử lý 162.210kg chất thải rắn thông thường được bảo quản tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn K, đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo “Biên bản về việc bàn giao số lượng chất thải cho

Công ty Cổ phần M2” của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ lập ngày 18/7/2025).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Cao P, Dương Ánh N, Phạm Hữu Q mỗi bị cáo phải chịu: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Khu vực 4-Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an TP. Đà Nẵng;
- P.THA DS Khu vực 4-Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Phạm Thanh Anh